TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 13/2023/HNGĐ - ST Ngày 12-6-2023 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Dệt

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 335/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST - HNGĐ ngày 24/5/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1980

ĐKHKTT: Thôn M, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn Y, xã G, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- *Bị đơn*: Anh Lê Thế C, sinh năm 1966

ĐKHKTT: Thôn M, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 28/11/2022, bản tự khai ngày 31/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Thế C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã S,

huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau về tính cách. Anh C có tính gia trưởng, thường xuyên chửi bới chị, chị đi đâu và làm gì đều bị anh quản lý chặt chẽ, chị về muộn thì anh đuổi ra khỏi nhà. Ngoài ra, vợ chồng còn mâu thuẫn về kinh tế, khi đó chị mới sinh con, Ca đi làm được nên anh quản lý về kinh tế gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải, phân tích nhưng anh C vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, xảy ra nhiều áp lực nên chị đã về nhà ngoại ở từ tháng 7 năm 2017. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Thế C.

- Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Lê Thế A, sinh ngày 30/7/2016. Hiện nay con đang ở với anh C. Khi ly hôn xin được giao con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 6/2023 đến khi con thành niên.

- Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Thế C. Về con chung: Chị xin được giao con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 6/2023 đến khi con thành niên. Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với anh Lê Thế C:* Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã thực hiện tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho anh Lê Thế C. Nhưng trong thời hạn quy định anh C không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

** Tại Biên bản xác minh ngày 07/4/2023, bị đơn anh Lê Thế C trình bày:*

Anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập nhưng giữa anh và chị H chưa trao đổi với nhau về hôn nhân và con chung nên anh chưa đến Tòa án để làm việc và anh cũng không viết bản tự khai. Anh trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường được khoảng 1 năm, đến năm 2016 chị H bỏ nhà đi. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau trong thời gian dài. Về mâu thuẫn vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Chị H tự bỏ nhà đi và từ khi đi cho đến nay không về nhà thăm con. Nay chị H xin ly hôn, anh muốn tự giải

quyết ly hôn với chị H. Nếu chị H cương quyết ly hôn thì tùy chị H, anh không có ý kiến gì.

Về con chung: Anh và chị H có 1 con chung là Lê Thế A, sinh ngày 30/7/2016. Hiện nay con đang ở với anh và phát triển bình thường. Nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh tiếp tục nuôi con và anh chưa yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh và chị H không có tài sản chung.

** Tại Biên bản xác minh ngày 10/4/2023 về tình trạng hôn nhân và con chung giữa chị Lê Thị H và anh Lê Thế C, kết quả xác minh tại địa phương như sau:* Anh Lê Thế C và chị Lê Thị H kết hôn với nhau vào năm 2015. Trước đó, anh C đã có vợ và 2 con, sau đó vợ anh C bị bệnh và đã chết, 2 con riêng của anh C đều đã trưởng thành. Anh C và chị H chung sống với nhau được khoảng hơn 1 năm thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau và đánh nhau. Chính quyền địa phương đã nhiều lần hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện được. Đến khoảng tháng 8/2017 chị H bỏ nhà đi cho đến nay. Trước khi chị H gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, chị H đã về gặp anh C và đưa đơn ly hôn nhưng anh C không ký. Về con chung: Anh C và chị H có 1 con chung. Con chung ở với anh C tại thôn M, xã S, huyện N từ trước đến nay. Việc chị H có về thăm con hay không thì chính quyền địa phương không nắm rõ.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự*:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị H và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 8/12/2015, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị H được ly hôn anh C.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao anh C trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ, thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6/2023 đến khi con thành niên.

+ Về tài sản chung: Chị H và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Lê Thế C có hộ khẩu thường trú tại thôn Yên Mỗ, xã Hoàng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên chị Lê Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Anh Lê Thế C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt anh C là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2. 1]. Hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Lê Thế C dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính cách nên xảy ra cãi nhau. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, chị H đã bỏ về nhà ngoại ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay, không quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ quan điểm ly hôn. Về phía anh C cũng không có biện pháp để hòa giải đoàn

tụ, nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh cũng không có ý kiến gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh C vẫn không đến. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh C là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

[2. 2]. Về con chung: Chị H và anh C có 01 con chung là Lê Thế Anh, sinh ngày 30/7/2016. Khi ly hôn chị H giao con cho anh C nuôi dưỡng. Đối với anh C, nếu vợ chồng ly hôn thì anh tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Cháu Lê Thế Anh ở với anh C từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay. Xét thấy việc giao nuôi con của chị H và anh C là tự nguyện nên giao con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ, thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6/2023 đến khi con thành niên.

[2. 3]. Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án xin ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Thế C.

2. Về con chung: Giao anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thế Anh, sinh ngày 30/7/2016. Chị H cấp dưỡng nuôi con hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6/2023 đến khi con thành niên.

Chị Lê Thị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2021/0007138 ngày 16/12/2022. Chấp nhận chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã S;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà